CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 881 QĐ/BVTV.1-HĐQT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Về việc: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết số 08/BVTV.1-HĐQT/NKIV của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương họp ngày 14/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

- ***Thời gian***: 7 giờ 30 phút ngày 04 tháng 12 năm 2026.

- ***Địa điểm***: Hội trường tầng 4, trụ sở Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương; địa chỉ: Số 145 phố Hồ Đắc Di, phường Kim Liên, Tp. Hà Nội.

Điều 2: Điều kiện tham dự cuộc họp

- Tất cả cổ đông của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương (chốt tại thời điểm 05/11/2026) đều được quyền đăng ký tham dự đại hội.

- Trường hợp cổ đông không thể tham dự đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự. Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản đúng theo quy định của Công ty.

Điều 3: Nội dung Đại hội

1. Thông qua các đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.
2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V (2026 - 2031).
3. Thông qua các đơn từ nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.
4. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026 - 2031).
5. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 4: Ban hành kèm theo Quyết định này

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Thành viên HĐQT;
- Ban TGĐ Công ty;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Lưu: TCHC, VT.

Phương thức gửi:
☑ Fax; ☐PCN; ☑ Bưu điện.
☑ Mạng nội bộ

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Đặng Văn Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: 995 TB/BVTV.1-HĐQT	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
(Thông báo này thay giấy mời)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty

Căn cứ Quyết định số: 881 QĐ/BVTV.1-HĐQT ngày 14/10/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
THÔNG BÁO

I. Triệu tập cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

1. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: 7 giờ 30 phút ngày 04 tháng 12 năm 2026.
- Địa điểm: Hội trường tầng 4, trụ sở Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương; địa chỉ: Số 145 phố Hồ Đắc Di, phường Kim Liên, Tp. Hà Nội.

2. Nội dung Đại hội gồm:

2.1. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

2.2. Thông qua Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2.3. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2.4. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2.5. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2.6. Thông qua Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, tổ chức triển khai thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến giống cây trồng và gia công, sang chai, đóng gói vật tư bảo vệ thực vật" tại KCN Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2.7. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026-2031).

2.8. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Chương trình Đại hội (có bản gửi kèm).

II. Cổ đông tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban tổ chức bằng văn bản theo mẫu quy định. Trường hợp cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự. Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn

bản theo mẫu quy định của Công ty và chỉ thực hiện uỷ quyền một lần, người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người khác.

III. Quý cổ đông xác nhận tham dự bằng Đơn đăng ký tham dự (mẫu số 01); Giấy uỷ quyền (mẫu số 02) đối với trường hợp ủy quyền cho người khác tham dự. Hồ sơ gửi về Ban tổ chức trước ngày 01/12/2026 theo địa chỉ sau:

- Phòng Tổ chức - Hành chính, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương; số 145 Hồ Đắc Di, phường Kim Liên, Tp. Hà Nội.

- Người liên hệ: Ông Bùi Đình Tráng, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty.

- Điện thoại: 024.3533 0179; Di động: 0975 230 269

- Fax: 024.3857 2751;

- Email: buidinhtrangpsc1@gmail.com

Nếu cổ đông gửi Đơn đăng ký và Giấy uỷ quyền về Công ty qua đường fax hoặc email, đề nghị nộp lại bản gốc khi tham dự Đại hội.

Sự tham dự đầy đủ và đúng giờ của Quý cổ đông sẽ góp phần vào thành công của Đại hội./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Ban TGĐ Công ty;
- Lưu: TCHC, VT.

Phương thức gửi:
☑ Fax; ☐PCN; ☑ Bưu điện.
☑ Mạng nội bộ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100101611 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đặng Văn Thông

Ghi chú:

*- Quý cổ đông đăng nhập vào trang web của Công ty: **http://www.psc1.com** – **mục quan hệ cổ đông** để đọc Dự thảo các tài liệu khác liên quan đến Đại hội.*

*- Quý cổ đông có thể tải các mẫu: Đơn đăng ký, Giấy uỷ quyền tại địa chỉ trang web của Công ty: **http://www.psc1.com.***

- Quý cổ đông hoặc người được uỷ quyền khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông xin vui lòng mang theo CCCD, giấy uỷ quyền (nếu là người được uỷ quyền) để đăng ký tham dự.

- Năm nay Công ty không phát tài liệu Đại hội bằng bản in giấy; đề nghị Quý cổ đông lấy tài liệu qua việc quét mã QR được in trên Thông báo này và tại địa điểm phòng họp.

- Quý cổ đông tự lo kinh phí ăn, ở, đi lại khi về dự đại hội cổ đông.

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

Kính gửi: **Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**

Họ và tên cổ đông:…….....

Mã số cổ đông: ……...

Số CMND/CCCD/CNĐKKD…….……ngày cấp…….…….

Nơi cấp……

Địa chỉ liên hệ: ……...

.....

Số điện thoại/ Fax : ……. Email:…….....

Theo Thông báo số 995 TB/BVTV.1-HĐQT ngày 11/11/2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026, tôi xác nhận tham dự với số cổ phần biểu quyết là …….cổ phần, trong đó:

- Số cổ phần sở hữu:……cổ phần
- Số cổ phần được uỷ quyền: ……cổ phần, từ các cổ đông:

.....

.....

.....

.....

(kèm theo Giấy uỷ quyền).

Tôi xin cam kết chấp hành đúng, đủ các nội dung trong Quy chế tổ chức họp Đại hội và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình./.

Ngày……tháng ……năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: - Đơn đăng ký này gửi về Phòng TCHC Công ty theo thời hạn nêu trong Thông báo mời họp (trước ngày 01/12/2026).

- Nếu cổ đông là tổ chức đề nghị phải có chữ ký của đại diện pháp luật và đóng dấu của tổ chức này;

- Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người đại diện tham dự, đơn đăng ký phải có Giấy ủy quyền kèm theo./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc
---------***---------

GIẤY UỶ QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026

***Kính gửi*: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG**

1. BÊN ỦY QUYỀN:

- Tên cổ đông: ……..……..……..
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKKD ……..……..……
  Ngày cấp ……..... Nơi cấp ……..……..……
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): ……..……..
- Mã cổ đông: ……
- Địa chỉ : ……
- Số điện thoại: ……
- Số cổ phần sở hữu : ……..…….....
  (Bằng chữ: ……..…..……..)

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Ủy quyền cho ông/bà:

- Họ tên: ……..……
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu……. ……..……
  Ngày cấp ……..... Nơi cấp: ……..…….....
- Địa chỉ: ……..…….....
- Số điện thoại: ……..……Email:……
- Số cổ phần được ủy quyền: …….....
  (Bằng chữ: ……..……..……)

Hoặc ủy quyền cho (chọn một trong các vị sau):

☐ Ông Đặng Văn Thông	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
☐ Ông Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

*(Vui lòng đánh dấu **X** hoặc ✔vào ô chọn ủy quyền)*

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được uỷ quyền.

- Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương./.

Ngày …… tháng ……năm 2026

Người nhận ủy quyền	**Người ủy quyền**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764/ 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Dự thảo

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Ngày 4 tháng 12 năm 2026

TT	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
1	7:30 - 8:00	Đăng ký cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức
2	8:00 – 8:05	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
3	8:05 – 8:10	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ban kiểm soát
4	8:10 – 8:15	Giới thiệu Chủ tọa Đại hội	Ban tổ chức
5	8:15 – 8:20	Giới thiệu Đoàn chủ tịch Giới thiệu Đoàn thư ký	Chủ tọa Đại hội
6	8:20 – 8:30	Quy chế tổ chức họp Đại hội	Đoàn chủ tịch
7	8:30 – 8:35	Chương trình Đại hội	Đoàn chủ tịch
8	8:35 – 8:40	Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.	Đại diện HĐQT
9	8:40 – 8:45	Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên BKS và bầu BKS.	Đại diện BKS
10	8:45 – 09:00	Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	Đoàn chủ tịch
11	09:00 – 09:05	Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Đoàn chủ tịch
12	09:05 - 09:10	Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	Đoàn chủ tịch
13	09:10 - 09:15	Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	Đại diện BKS

TT	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
14	09:15 - 09:20	Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, tổ chức triển khai thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến giống cây trồng và gia công, sang chai, đóng gói vật tư bảo vệ thực vật" tại KCN Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	
15	09:20 – 09:30	Thảo luận các nội dung trong chương trình Đại hội	Đoàn chủ tịch
16	09:30 – 09:40	Giới thiệu danh sách bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026-2031)	Đoàn chủ tịch
17	09:40 - 09:50	Thông qua quy chế bầu cử	Ban kiểm phiếu
18	09:50 - 10:10	- Giới thiệu thể lệ bầu cử - Hướng dẫn trình tự bỏ phiếu - Bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ V (2026 - 2031)	Ban kiểm phiếu
19	10:10 – 10:30	Thảo luận (tiếp tục)	Đoàn chủ tịch
20	10:30 – 10:35	Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026 – 2031)	Ban kiểm phiếu
21	10:35 - 10:45	**Biểu quyết thông qua các nôi dung, gồm:** - Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT. - Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS. - Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. - Tờ trình về việc việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. - Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. - Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát - Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, tổ chức triển khai thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến giống cây trồng và gia công, sang chai, đóng gói vật tư bảo vệ thực vật" tại KCN Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo tờ trình 07/ TTr-HĐQT ngày 04/12/2026. - Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ V (2026-2031).	Ban kiểm phiếu

TT	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
21	10:45 – 10:50	Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
22	10:50 – 10:55	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Đoàn Thư ký
24	10:55 – 11:00	Bế mạc Đại hội	Chủ toạ Đại hội

BAN TỔ CHỨC

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764/ 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Dự thảo

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2026 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THƯC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 vào ngày 04/12/2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thưc vật 1 Trung ương (sau đây gọi là "Đại hội").

2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 (sau đây gọi là "Luật Doanh nghiệp"); Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Luật Chứng khoán số 54/2019/ QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

5. Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thưc vật 1 Trung ương (sau đây gọi là "Điều lệ Công ty").

Điều 3. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội

Là cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội - ngày 05/11/2026.

Điều 4. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự Đại hội. Việc ủy quyền phải tuân thủ quy định về ủy quyền dự họp của Luật Doanh nghiệp năm

2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Quyền của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

b) Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung Chương trình Đại hội.

2. Nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội.

b) Cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.

c) Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.

d) Cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn chủ tịch cho phép.

đ) Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

e) Không hút thuốc lá trong phòng họp Đại hội, không uống nước chứa cồn trong suốt thời gian Đại hội.

g) Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong phòng họp Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải chuyển sang chế độ im lặng, không được để chuông.

h) Khi cổ đông rời cuộc họp, không tham dự Đại hội trước thời điểm biểu quyết các nội dung của Đại hội, phải nộp lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

i) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định trước ngày khai mạc Đại hội để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của văn bản ủy quyền của cổ đông;

2. Kiểm tra tư cách cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp;

3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
- Lập biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội, trước Đại hội khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Đoàn thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Đoàn thư ký

1. Chủ tọa Đại hội có chức năng điều khiển Đại hội;

2. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

3. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

4. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

5. Đoàn thư ký thực hiện công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội.

Chương III
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 05/11/2026) để họp Đại hội.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội diễn ra trong buổi sáng ngày 04/12/2026 theo hình thức trực tiếp.

2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 11. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành

1. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội lần thứ hai

được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

2. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Chương IV
NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

Điều 12. Nguyên tắc biểu quyết

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự Đại hội. Mỗi nội dung biểu quyết có số phiếu biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tham dự Đại hội.

Điều 13. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

1. Nguyên tắc

- Tất cả các nội dung cần biểu quyết trong chương trình của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

Có hai (02) hình thức biểu quyết:

+ Biểu quyết bằng cách giơ tay: Thực hiện để biểu quyết thông qua các nội dung, gồm: Quy chế tổ chức họp Đại hội, chương trình Đại hội, Quy chế bầu cử, Ban kiểm phiếu và Danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ V(2026 – 2031), Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

+ Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Thực hiện để biểu quyết thông qua các nội dung, gồm: 08 nội dung trong chương trình Đại hội (ghi trong Phiếu biểu quyết sô 1);

- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội được cấp một (01) phiếu biểu quyết. Trên phiếu biểu quyết có ghi rõ mã cổ đông, họ và tên cổ đông/đại diện cổ đông, tổng số lượng cổ phần biểu quyết tại Đại hội (số lượng cổ phần sở hữu + số lượng cổ phần nhận uỷ quyền).

Phân loại phiếu biểu quyết:

+ Phiếu biểu quyết hợp lệ: Là phiếu in sẵn theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội phát, có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương; phiếu không bị rách, không bị tẩy xoá, không bị sửa chữa và có đánh dấu biểu quyết theo đúng quy định trên Phiếu biểu quyết; có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông.

+ Phiếu biểu quyết không hợp lệ: Là phiếu biểu quyết không do Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác...khi không được Chủ toạ yêu cầu; phiếu biểu quyết bị gạch, xoá, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn, không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông; phiếu biểu quyết không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ hai (02) ý kiến trở

lên đối với một (01) nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ; không có chữ ký và không ghi rõ họ tên của cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông.

- Trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông trong quá trình ghi phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, trực tiếp gặp Ban kiểm phiếu để được đổi lại phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đại diện cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết

- Biểu quyết bằng cách giơ tay: Cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông giơ tay để biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) cho từng nội dung cần biểu quyết.

- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết cho từng nội dung cần biểu quyết theo cách thức sau:

+ Nếu tán thành nội dung cần biểu quyết, cổ đông đánh dấu nhân (x) vào ô ☐ tán thành trong Phiếu biểu quyết.

+ Nếu không tán thành nội dung cần biểu quyết, cổ đông đánh dấu nhân (x) vào ô ☐ không tán thành trong Phiếu biểu quyết.

+ Nếu không có ý kiến về nội dung cần biểu quyết, cổ đông đánh dấu nhân (x) vào ô ☐ không có ý kiến trong Phiếu biểu quyết.

*<u>Lưu ý:</u> Cổ đông **chỉ chọn** một trong ba ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.*

+ Cổ đông, đại diện cổ đông phải trực tiếp bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu, không nhờ người khác bỏ hộ.

3. Tổng hợp kết quả

- Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội đối với từng nội dung biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào Biên bản họp Đại hội.

Điều 14. Thể lệ và kết quả biểu quyết

1. Mỗi cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu hoặc nhận uỷ quyền ứng với một phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tương ứng với tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu và số lượng cổ phần nhận uỷ quyền.

2. Kết quả biểu quyết

2.1. Tỷ lệ biểu quyết của từng nội dung được tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

2.2. Các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2.3. Các nội dung còn lại trong Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2.4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Chương V
BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI

Điều 15. Biên bản họp Đại hội

Nội dung họp Đại hội phải được lập thành Biên bản. Biên bản họp Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc họp Đại hội. Biên bản có chữ ký của Chủ tọa Đại hội và Đoàn thư ký. Biên bản họp Đại hội là cơ sở để ban hành các Nghị quyết của Đại hội.

Chương VI
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm sáu (6) Chương, mười sáu (16) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện đúng, đủ theo quy định tại Quy chế này./.

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84-24-3851 1969, 3533 2267 - Fax: +84-24-3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Dự thảo *Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG NHIỆM KỲ V (2026-2031)

Căn cứ pháp lý:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 29/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;*
- *Quyết định số 881 QĐ/BVTV.1-HĐQT, ngày 14 tháng 10 năm 2026 về việc Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.*

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương quy định Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ V (2026 - 2031) như sau:

Điều 1: Mục đích, nguyên tắc bầu cử

1.1. Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ hiện hành của Công ty. Đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

1.2. Việc bầu cử được thực hiện công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu.

1.3. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết. Quyền bầu cử, kết quả bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu và số cổ phần được uỷ quyền tham dự Đại hội.

Điều 2: Đối tượng tham gia

Cổ đông có quyền biểu quyết và người được ủy quyền hợp lệ.

Điều 3: Đề cử, ứng cử

3.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3.2. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3.3. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3.4. Hồ sơ ứng cử, đề cử theo mẫu của Ban tổ chức Đại hội.

3.5. Dựa trên hồ sơ ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Quy chế này trình Đại hội.

3.6. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.

Điều 4: Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HĐQT và BKS

4.1. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty, số lượng thành viên HĐQT là năm (**05)** thành viên.

4.2. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty, số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ là ba (**03)** thành viên.

4.3. Thành viên HĐQT phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020. Cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp

b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

d) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

e) Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm e, khoản 4.3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên

độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

4.4. Thành viên BKS phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 5: Phương thức bầu cử

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

5.1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

5.2. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và cổ phần được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

5.3. Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Ví dụ 1: Tại Đại hội cổ đông ông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000 cổ phần, như vậy ông A có:

*- Tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT là: 1.000 × 5 = 5.000 phiếu bầu, ông A có thể dồn hết tổng số phiếu bầu này cho **MỘT** ứng cử viên HĐQT hoặc chia tổng số phiếu bầu (5.000 phiếu bầu) cho một số ứng cử viên.*

*- Tổng số phiếu bầu thành viên BKS là: 1.000 × 3 = 3.000 phiếu bầu, ông A có thể dồn hết tổng số phiếu bầu này cho **MỘT** ứng cử viên BKS hoặc chia tổng số phiếu bầu (3.000 phiếu bầu) cho một số ứng cử viên.*

Ví dụ 2: Tại Đại hội cổ đông bà Bùi Thị B sở hữu 1.500 cổ phần và 1.000 cổ phần được uỷ quyền, như vậy bà B có:

*- Tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT là: (1.500 + 1.000) × 5 = 12.500 phiếu bầu, bà B có thể dồn hết tổng số phiếu bầu này cho **MỘT** ứng cử viên HĐQT hoặc chia tổng số phiếu bầu (12.500 phiếu bầu) cho một số ứng cử viên.*

*- Tổng số phiếu bầu thành viên BKS là: (1.500 + 1000) × 3 = 7.500 phiếu bầu, bà B có thể dồn hết tổng số phiếu bầu này cho **MỘT** ứng cử viên BKS hoặc chia tổng số phiếu bầu (7.500 phiếu bầu) cho một số ứng cử viên.*

Điều 6: Cách thức bầu cử

6.1. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội được phát một Tờ phiếu bầu HĐQT với tổng số phiếu bầu HĐQT bằng số cổ phần sở hữu và số cổ phần được uỷ quyền nhân với 5 (năm) và một Tờ phiếu bầu BKS với tổng số phiếu bầu BKS bằng số cổ phần sở hữu và số cổ phần được uỷ quyền nhân với 3 (ba).

6.2. Trên mỗi Tờ phiếu bầu, cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội được lựa chọn 5 hoặc ít hơn trong số các ứng viên HĐQT và 3 hoặc ít hơn trong số các ứng viên BKS.

6.3. Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội bầu HĐQT bằng cách ghi số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên HĐQT sao cho tổng số phiếu bầu HĐQT trên mỗi Tờ phiếu bầu không lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông, đại diện cổ đông đó (bằng tổng số cổ phần sở hữu và số cổ phần được uỷ quyền nhân với 5).

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A có tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT là 5.000. Ông A bầu cho: Ứng viên 1: X phiếu; ứng viên 2: Y phiếu; ứng viên 3: Z phiếu; ứng viên 4: M phiếu và ứng viên 5: N phiếu. Việc điền số phiếu bầu sao cho: X + Y + Z + M + N = 5.000 phiếu bầu.

6.4. Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội bầu BKS bằng cách ghi số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên BKS sao cho tổng số phiếu bầu BKS trên mỗi Tờ phiếu bầu không lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông, đại diện cổ đông đó (bằng tổng số cổ phần sở hữu và số cổ phần được uỷ quyền nhân với 3).

Ví dụ: Bà Bùi Thị B có tổng số phiếu bầu thành viên BKS là 7.500. Bà B bầu cho: Ứng viên 1: X phiếu; ứng viên 2: Y phiếu; ứng viên 3: Z phiếu. Việc điền số phiếu bầu sao cho: X + Y + Z = 7.500 phiếu bầu.

6.5. Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội phải tự mình dùng bút ghi số phiếu bầu cho các ứng viên mà mình tín nhiệm. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền) người được ủy quyền vẫn có đầy đủ quyền bầu cử.

6.6. Trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông trong quá trình ghi phiếu bầu bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, trực tiếp gặp Ban kiểm phiếu để được đổi lại phiếu bầu nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đại diện cổ đông.

Điều 7: Quy định về phiếu bầu

7.1. Phiếu bầu hợp lệ là:

+ Phiếu in sẵn (có họ tên các ứng cử viên đã được Đại hội thông qua) do Ban kiểm phiếu phát ra, có đóng dấu của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương. Trên mỗi lá phiếu có mã số cổ đông, tổng số cổ phần (sở hữu và được ủy quyền).

+ Phiếu bầu đủ hoặc ít hơn số lượng thành viên HĐQT và BKS theo quy định.

+ Phiếu bầu không bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm họ tên người không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

+ Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên của HĐQT hoặc BKS bằng hoặc thấp hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông (sở hữu và được uỷ quyền).

+ Phiếu bầu có chữ ký và ghi rõ họ tên của người bầu.

7.2. Phiếu bầu không hợp lệ là:

+ Phiếu không phải do Ban kiểm phiếu phát ra theo quy định;

+ Phiếu không bầu ai (phiếu trắng).

+ Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm họ tên người không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

+ Phiếu bầu quá số lượng thành viên HĐQT hoặc BKS đã được quy định.

+ Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên của HĐQT hoặc BKS vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông (sở hữu và được uỷ quyền).

+ Phiếu bầu không có chữ ký và không ghi rõ họ tên của người bầu.

Điều 8: Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

8.1. Ban kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua.

b. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Thông qua Quy chế bầu cử.

+ Hướng dẫn thể lệ bầu cử.

+ Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu.

+ Tiến hành kiểm phiếu.

+ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

c. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.

8.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông tham dự Đại hội.

b. Ban kiểm phiếu chỉ phát phiếu bầu cho cổ đông, đại diện cổ đông **có mặt** tại thời điểm bầu cử.

c. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu. Cổ đông, đại diện cổ đông phải trực tiếp bỏ phiếu vào thùng phiếu, không nhờ người khác bỏ hộ.

d. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.

đ. Ban kiểm phiếu phải kiểm tra tính hợp lệ của từng lá phiếu, kiểm tra lần lượt từng lá phiếu và ghi lại kết quả.

e. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông, đại diện cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu bầu của cổ đông, đại diện cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu bầu của cổ đông tham dự Đại hội (theo phương thức bầu dồn phiếu), số lượng và tỷ lệ phiếu bầu hợp lệ, phiếu bầu không hợp lệ; số lượng và tỷ lệ bầu cho từng ứng cử viên HĐQT và BKS.

g. Toàn bộ phiếu bầu khi kiểm phiếu xong phải được niêm phong và bàn giao lại cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 9: Quy định người trúng cử vào HĐQT và BKS

9.1. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

9.2. Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ phiếu bầu bằng nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng bằng nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn cho đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS theo quy định.

Điều 10: Công bố kết quả

Kết quả được Ban kiểm phiếu công bố tại Đại hội và ghi vào biên bản.

Điều 11: Giải quyết khiếu nại

Các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử (nếu có) sẽ do Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giải quyết.

Điều 12: Hiệu lực

Quy chế này gồm 12 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: Số 145 phố Hồ Đắc Di, P. Kim Liên, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84-24-38511967, 35332267 Fax: +84-24-38572751
E-mail: psc1@psc1.com Website: www.psc1.com

Số: 03/ TTr - HĐQT *Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Điều lệ hiện hành của Công ty;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 23/10/2026 của Phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội;

2. Lý do sửa đổi, bổ sung

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty nhằm:

- Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Cập nhật thay đổi về: Ngành nghề kinh doanh

3. Nội dung sửa đổi

3.1. Nguyên tắc sửa đổi

Không trái quy định pháp luật hiện hành

3.2. Nội dung chi tiết

Nội dung Quy chế hiện hành			Ngành, nghề sau khi sửa đổi/bổ sung			Lý do
STT	**Tên ngành**	**Mã ngành**	STT	Tên ngành	Mã ngành	Mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Kinh doanh hàng tư liệu tiêu dùng, sinh hoạt bao gồm: hàng may mặc, máy móc, thiết bị dùng trong công xưởng hoặc phòng thí nghiệm, máy móc, thiết bị đun nóng, làm lạnh; đồ nội thất dùng trong gia đình (bàn, ghế, giường tủ);	4649	1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Kinh doanh hàng tư liệu tiêu dùng, sinh hoạt bao gồm: hàng may mặc, máy móc, thiết bị dùng trong công xưởng hoặc phòng thí nghiệm, máy móc, thiết bị đun nóng, làm lạnh; đồ nội thất dùng trong gia đình (bàn, ghế, giường tủ);	4649	
2	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu - Chi tiết: sản xuất và mua bán thuốc khử trùng cho nuôi trồng thủy sản, thuốc khử trùng và làm dịch vụ khử trùng cho hàng hóa xuất nhập khẩu và kho tàng; Sản xuất và mua bán hóa chất, phân bón hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt chuột, ruồi, muỗi, kiến,	2100	2	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu - Chi tiết: sản xuất và mua bán thuốc khử trùng cho nuôi trồng thủy sản, thuốc khử trùng và làm dịch vụ khử trùng cho hàng hóa xuất nhập khẩu và kho tàng; Sản xuất và mua bán hóa chất, phân bón hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt chuột, ruồi, muỗi, kiến,	2100	

	gián, thuốc kích thích sinh trưởng cây trồng;				gián, thuốc kích thích sinh trưởng cây trồng;			
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933		3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933		
4	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ - Chi tiết: sản xuất và mua bán phân hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học;	2012		4	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ - Chi tiết: sản xuất và mua bán phân hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học;	2012		
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012		5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012		
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5610		6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5610		
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuốc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê kho tàng, bến bãi; Kinh doanh bất động sản;	6810		7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuốc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê kho tàng, bến bãi; Kinh doanh bất động sản;	6810		
8	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Kinh doanh	4932		8	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Kinh doanh	4932		

	vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng				vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng			
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất, bao gồm: Dụng cụ phun, rải thuốc bảo vệ thực vật, máy móc nông cụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, trang thiết bị phục vụ cho nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản;	4659		9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất, bao gồm: Dụng cụ phun, rải thuốc bảo vệ thực vật, máy móc nông cụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, trang thiết bị phục vụ cho nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản;	4659	
10	Hoạt động dịch vụ trồng trọt - Chi tiết: Sản xuất và mua bán giống cây trồng	0161		10	Hoạt động dịch vụ trồng trọt - Chi tiết: Sản xuất và mua bán giống cây trồng	0161		
11	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi - Chi tiết: Sản xuất và mua bán vật nuôi	0162		11	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi - Chi tiết: Sản xuất và mua bán vật nuôi	0162		
12	Sản xuất thức ăn giá súc, gia cầm và thủy sản - Chi tiết: Sản xuất và mua bán thức ăn cho gia súc, thức ăn cho tôm cá;	1080		12	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080		
13	Sản xuất hóa chất cơ bản - Chi tiết: Sản xuất và	2011		13	Sản xuất hóa chất cơ bản - Chi tiết: Sản xuất và mua bán hóa chất;	2011		
				14	Đại lý lữ hành - Chi tiết: Lữ hành nội	7911		

	mua bán hóa chất;	
14	Đại lý lữ hành - Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán ba);	7911
15	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp	2021 (chính)
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4653
17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sông (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4620
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4679

	địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng h□t karaoke, vũ trường, quán ba);	
15	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp	2021 (chính)
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4653
17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sông (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4620
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4679
19	**Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu**	**2029**

Điều 18: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng	**Điều 18: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông** 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông **(bao gồm việc gửi thư điện tử; thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy**	Bổ sung thêm phương thức liên hệ gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ

khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình họp.	**định của công ty từng thời kỳ)**, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình họp.	
Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> được đề cử một	**Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến	Không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành

(01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	
Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2.i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	**Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** 2.i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;** quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác **của những người này;** cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Quy định cụ thể, rõ ràng hơn; phù hợp với cơ cấu tổ chức và công tác điều hành Công ty

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát 1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	**Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát** 1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành

4. Thời điểm hiệu lực

- Điều lệ sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện.

5. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

- Ủy quyền cho HĐQT: Hoàn thiện Điều lệ sau khi được thông qua.

- Đại hội đồng cổ đông giao người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền.

6. Tài liệu kèm theo

- Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung;

- Bảng so sánh nội dung sửa đổi;

- Các tài liệu liên quan khác.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

****

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Hà Nội, tháng 12 năm 2026

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đơn vị trực thuộc và thời hạn hoạt động của Công ty.....6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....10
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 22

DỰ THẢO

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 27
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 31
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 32
Điều 34. Người điều hành Công ty 32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 33
IX. BAN KIỂM SOÁT 33
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát 34
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát 34
Điều 38. Trưởng ban kiểm soát 35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 35
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 36
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 36
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 36
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 37
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 38
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 38
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 39
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 39

DỰ THẢO

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 39
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 40
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 40
Điều 48. Năm tài chính 40
Điều 49. Chế độ kế toán 40
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 40
Điều 51. Báo cáo thường niên 41
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 41
Điều 52. Kiểm toán 41
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 41
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 41
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 42
Điều 54. Giải thể công ty 42
Điều 55. Gia hạn hoạt động 42
Điều 56. Thanh lý 42
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 43
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 43
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 43
Điều 58. Điều lệ công ty 43
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 44
Điều 59. Ngày hiệu lực 44

DỰ THẢO

Điều lệ này của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động. Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (có hiệu lực từ ngày 15/02/2021).

Điều lệ, quy định của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật liên quan là những quy tắc và quy định ràng buộc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty tổ chức vào ngày 28 tháng 4 năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc và người điều hành khác theo quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

DỰ THẢO

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đơn vị trực thuộc và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Central Plant Protection Joint-Stock Company No.1

- Tên Công ty viết tắt: **PSC.1**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 145 Hồ Đắc Di, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: + 84-24-38572764/ 35332267/ 35331751/ 38573142/ 35331702

- Fax: + 84-24-38572751

- E-mail: psc1@psc1.com

- Website: http://www.psc1.com

4. Công ty có thể thành lập hoặc giải thể đơn vị trực thuộc tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

1. Quyền hạn:

Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; thay mặt Công ty ký kết hợp đồng, ký kết các văn bản, quyết định theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Ủy quyền cho người khác thực hiện giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

DỰ THẢO

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Kinh doanh hàng tư liệu tiêu dùng, sinh hoạt bao gồm: hàng may mặc, máy móc, thiết bị dùng trong công xưởng hoặc phòng thí nghiệm, máy móc, thiết bị đun nóng, làm lạnh; đồ nội thất dùng trong gia đình (bàn, ghế, giường tủ);	4649
2	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu - Chi tiết: sản xuất và mua bán thuốc khử trùng cho nuôi trồng thủy sản, thuốc khử trùng và làm dịch vụ khử trùng cho hàng hóa xuất nhập khẩu và kho tàng; Sản xuất và mua bán hóa chất, phân bón hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt chuột, ruồi, muỗi, kiến, gián, thuốc kích thích sinh trưởng cây trồng;	2100

3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ - Chi tiết: sản xuất và mua bán phân hóa học, phân bón lá, phân bón hữu cơ sinh học;	2012
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5610
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuốc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê kho tàng, bến bãi; Kinh doanh bất động sản;	6810
8	Vận tải hành khách đường bộ khác - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất, bao gồm: Dụng cụ phun, rải thuốc bảo vệ thực vật, máy móc nông cụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, trang thiết bị phục vụ cho nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản;	4659
10	Hoạt động dịch vụ trồng trọt - Chi tiết: Sản xuất và mua bán giống cây trồng	0161
11	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi - Chi tiết: Sản xuất và mua bán vật nuôi	0162
12	Sản xuất thức ăn giá súc, gia cầm và thủy sản	1080
13	Sản xuất hóa chất cơ bản - Chi tiết: Sản xuất và mua bán hóa chất;	2011
14	Đại lý lữ hành - Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán ba);	7911
15	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp	2021 (chính)
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4653
17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sông (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4620
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4679
19	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào	2029

DỰ THẢO

	đâu	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty hoạt động trong các ngành, nghề được quy định tại khoản 1 Điều này nhằm mang lại lợi nhuận tối đa cho cổ đông, bảo toàn vốn và phát triển vốn, tạo việc làm ổn định góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động và đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế - xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.001.060.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tỷ, không trăm không một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.106 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới {tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo}, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát.

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng (phương tiện khác) theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn gây rủi ro tài chính cho Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng

không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra

quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thầy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả nội dung đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại cuộc họp của cổ

DỰ THẢO

đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

f) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm việc gửi thư điện tử; thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của công ty từng thời kỳ), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các

vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tài liệu giải trình và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc**,** quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản

kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh từ quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên

trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty giảm thiểu thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Đối với công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc

Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện

những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế nội bộ về quản trị và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty). Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên

còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

DỰ THẢO

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành sẽ chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người

phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

DỰ THẢO

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu

chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

DỰ THẢO

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

DỰ THẢO

Điều 38. Trưởng ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

DỰ THẢO

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

DỰ THẢO

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung

DỰ THẢO

quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

DỰ THẢO

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán

DỰ THẢO

cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

DỰ THẢO

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày31 tháng 12 năm đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

DỰ THẢO

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

DỰ THẢO

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài hoặc tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của tòa án được thực hiện theo phán quyết của tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

DỰ THẢO

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi mốt (21) Mục, năm mươi chín (59) Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhất trí thông qua ngày 04 tháng12 năm 2026 tại Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: Số 145 phố Hồ Đắc Di, P. Kim Liên, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84-24-38511967, 35332267 Fax: +84-24-38572751
E-mail: psc1@psc1.com Website: www.psc1.com

Dự thảo
Số 04/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

---

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty được ban hành ngày 27 tháng 4 năm 2021;

Trên cơ sở rà soát các nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ban hành theo Quyết định số 195 QĐ/BVTV.1-HĐQT ngày 27/4/2021 và thực tiễn yêu cầu quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Quy chế quản trị nội bộ cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan đối với Công ty đại chúng.

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung và lý do sửa đổi

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương với nội dung cụ thể kèm theo tờ trình.

Tất cả các nội dung còn lại của Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương ban hành ngày 27/4/2021 không thay đổi.

2. Hiệu lực của Điều lệ mới sau khi sửa đổi, bổ sung

Bản Quy chế quản trị nội bộ Công ty mới sau khi sửa đổi, bổ sung được trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 xem xét và quyết định.

Quy chế quản trị nội bộ Công ty sau khi sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 thông qua.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số.../TTr-HĐQT ngày 04 tháng 12 năm 2026)

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
1	***Điều 3. Triệu tập họp, chương trình họp, nội dung và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông*** 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và website của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Thông báo mới họp, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và dự thảo nghị quyết được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.	***Điều 3. Triệu tập họp, chương trình họp, nội dung và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông*** 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm việc gửi thư điện tử; thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của công ty từng thời kỳ), có quyền dự họp đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và website của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Thông báo mới họp, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và dự thảo nghị quyết được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.	Bổ sung thêm phương thức liên hệ gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ

2	**Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (Điểm i, khoản 2 điều 12)** i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	**Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (Điểm i, khoản 2 điều 12)** i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Quy định cụ thể, rõ ràng hơn; phù hợp với cơ cấu tổ chức và công tác điều hành Công ty
3	***Điều 15. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng quản trị*** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	***Điều 15. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng quản trị*** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Sửa đổi để phù hợp với điều 25 Điều lệ Công ty

4	***Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát*** 3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau: Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	***Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát*** 3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau: Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

****

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: …QĐ/BVTV.1 -HĐQT	*Hà Nội, ngày … tháng ... năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
V/v: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương ngày 04 tháng 12 năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm Quyết định này "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương".

Điều 2: Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, các phòng ban chức năng, các đơn vị trong toàn Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Như điều 2; - BKS Công ty; - Ban TGĐ Công ty; - Lưu: VT. ***Phương thức gửi:*** ☑ Mạng nội bộ.	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** ***Đặng Văn Thông***

DỰ THẢO

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng ..... ……1
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 1
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông 1
Điều 3. Triệu tập họp, chương trình họp, nội dung và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 3
Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 6
Điều 7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 7
Điều 8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 10
Điều 10. Công bố biên bản họp (biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 10
Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử 10
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 11
Điều 13. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 12
Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 15. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 16. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị 14
Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 14
Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 20. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị 15
Điều 21. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 16
Điều 22. Biên bản họp Hội đồng quản trị 19
Điều 23. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 20
Điều 24. Người phụ trách quản trị công ty 20
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT 21
Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 21
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 23
Điều 26. Tổng giám đốc 23
Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc 24

DỰ THẢO

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC 25
Điều 28. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc 25
Điều 29. Triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc 25
Điều 30. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị 25
Điều 31. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc 26
Điều 32. Đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc 26
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 26
Điều 33. Hiệu lực thi hành 26
Điều 34. Tổ chức thực hiện 27

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo quyết định số: QĐ/BVTV.1-HĐQT ngày / /2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

2. Đại hội cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

DỰ THẢO

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

DỰ THẢO

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Triệu tập họp, chương trình họp, nội dung và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

DỰ THẢO

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

đ) Xác định thời gian và địa điểm họp;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông theo quy định của Điều lệ; và

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm việc gửi thư điện tử; thư qua đường bưu điện hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của công ty từng thời kỳ), có quyền dự họp đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và website của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Thông báo mới họp, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và dự thảo nghị quyết được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông sở hữu, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

DỰ THẢO

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 4 này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

a) Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp có nhiều hơn một người được ủy quyền dự họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người được ủy quyền dự họp.

b) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

c) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

d) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

f) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a) Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt và đăng ký hết.

b) Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo giấy tờ được quy định tại giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông báo của Công ty để xác nhận tư cách cổ đông.

DỰ THẢO

c) Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để

cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số lượng cổ đông dự họp theo quy định tại điểm a khoản này thì trong vòng một trăm hai mươi (120) phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết của Công ty tham dự.

c) Trường hợp cuộc họp Đại hội cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì trong vòng một trăm hai mươi (120) phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức bỏ phiếu

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đó.

b) Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ đánh dấu việc tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết, hoặc ghi số lượng cổ phần bầu cho từng ứng viên Hội đồng quản trị vào phiếu biểu quyết.

2. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

a) Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

DỰ THẢO

b) Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất.

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông: việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ. Chủ tọa cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau khi kết quả kiểm phiếu được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông và trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

DỰ THẢO

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu

DỰ THẢO

biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

DỰ THẢO

6. Biên bản họp địa hội cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chỉnh của Công ty

Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 10. Công bố biên bản họp (biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản họp (hoặc biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử

1. Bên cạnh hình thưc tổ chức họp trực tiếp, Đại hội cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong trường hợp xảy ra (I) các sự kiện bất khả khảng bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc (II) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty quy chế tổ chức họp và biểu quyết cho đại hội này chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

a) Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức được quy định tai khoản 1 Điều này;

DỰ THẢO

b) Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Quy định về cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu;

d) Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành

DỰ THẢO

viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị có thể thông qua một nghị quyết để ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nêu tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

DỰ THẢO

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức;

c) Do cổ đông hoặc nhóm đổ đông đề nghị thay đổi người đại diện;

d) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị trong vòng 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về Điều lệ Công ty.

h) Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

i) Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 15. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu

DỰ THẢO

mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị cơ bản gồm:

a) Đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo mẫu của Công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng viên tự khai theo mẫu của Công ty;

c) Bản sao CMND, căn cước công dân hoặc hộ chiếu của ứng viên;

d) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Công ty và pháp luật có liên quan.

e) Hồ sơ ứng cử đề cử thành viên Hội đồng quản trị được gửi cho Công ty theo thông báo có liên quan.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công ty và được chấp thuận;

c) Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và

d) Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

DỰ THẢO

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỉ lệ theo quy định của pháp luật;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 18. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các thông tin về việc bầu, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên theo Điều này phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của pháp luật và phụ thuộc và thông tin của ứng cử viên đã có sẵn hay chưa.

Điều 20. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bầu một (01) hoặc một số Phó chủ tịch từ các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

DỰ THẢO

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong các trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó chủ tịch.

7. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 21. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành

DỰ THẢO

viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, quyết định thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định tại khoản Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định; kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp, bao gồm cả ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điều này,

DỰ THẢO

cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là hợp lệ nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp bao gồm cả ủy quyền.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (theo quy định trong Điều lệ công ty).

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 30 của Điều lệ, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

c) Biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán: các nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông qua khi được các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành theo nguyên tắc đa số quá bán trên năm mươi phần trăm (50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Họp và ban hành nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có thể tổ chức một cuộc họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bằng việc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

DỰ THẢO

a) Việc họp và lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người phụ trách quản trị hoặc thư ký Công ty.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu cùng với sự trợ giúp của người phụ trách quản trị hoặc thư ký Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và khong có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người phụ trách quản trị hoặc thư ký Công ty.

e) Khi lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội đồng quản trị -trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là ý kiến quyết định.

f) Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

Điều 22. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

DỰ THẢO

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 23. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc theo khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty.

2. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban được thực hiện theo khoản 2, Điều 31 Điều lệ Công ty.

3. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 24. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

DỰ THẢO

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

a) Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp 2020.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Trưởng Ban kiểm soát do các thành viên Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát.

c) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp 2020.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

DỰ THẢO

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trừ trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát;

5.1.Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

e) Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

f) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

g) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

j) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát;

k) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên được công bố thông tin trên Website của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

DỰ THẢO

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

a. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 26. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

DỰ THẢO

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

1. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

2. Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Có đơn từ nhiệm chức danh hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty;

b) Không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian hai (02) năm liên tục;

c) Có thái độ và hành vi trong tiến trình làm việc, mà theo đánh giá của Hội đồng quản trị là gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến Công ty;

d) Không đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Quy chế này hoặc vi phạm các quy định về quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc quy định tại Điều lệ, Quy chế này và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc Công ty;

b) Công ty ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động.

c) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc

d) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

e) Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động.

f) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc:

g) Hội đồng quản trị thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động, chứng khoán và đăng tải quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc lên trang điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Hội đồng quản trị thông qua quyết định.

h) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị quyết định tiền lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc.

DỰ THẢO

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 28. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách và Tổng giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện các quyết định được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Tổng giám đốc phân công người chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai các dự án của Công ty để trình Hội đồng quản trị.

3. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị điều chỉnh cho phù hợp.

4. Tổng giám đốc có thể được mời tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương, chính sách của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty.

5. Hội đồng quản trị thiết lập cơ chế thanh tra, kiểm tra nhằm kiểm soát Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các chiến lược, chính sách và các quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có quyền đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

2. Xử lý các tình huống khẩn cấp mà vượt quá thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ; và

3. Các trường hợp khác mà Tổng giám đốc thấy cần thiết.

4. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ.

Điều 30. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị

1. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc cho Hội đồng quản trị bao gồm những nội dung sau:

a) Kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các công việc khác được Hội đồng quản trị ủy quyền.

b) Tình hình triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được phê quyệt và ngân sách liên quan;

c) Kết quả hoạt động kinh doanh, đầu tư và kết quả tài chính định kỳ;

DỰ THẢO

d) Sự tuân thủ của Ban Tổng giám đốc và các phòng, ban trong Công ty đối với các quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ của Công ty, quản trị rủi ro;

e) Các dự kiến kế hoạch kinh doanh, giao dịch đầu tư quan trọng và;

f) Các nội dung cụ thể khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp có Tổng giám đốc tham gia.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ trong thời hạn được quy định tại thư lấy ý kiến liên quan, trừ trường hợp Điều lệ có quy định một thời hạn trả lời khác.

3. Căn cứ vào các báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc các các thông tin do Tổng giám đốc cung cấp theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và có thể gây thiệt hại cho Công ty, Ban kiểm soát có quyền gửi thông báo đến Tổng giám đốc để yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó.

Điều 32. Đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị xây dựng các tiêu chuẩn và đánh gia hoạt động đối với Tổng giám đốc. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động được xây dựng thận trọng dựa trên cơ sở cân bằng lợi ích của Tổng giám đốc với lợi ích lâu dài của cổ đông và Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá Tổng giám đốc dựa trên các nhóm tiêu chí chính sau:

a) Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất, kinh doanh;

b) Trách nhiệm của Tổng giám đốc;

c) Năng lực chuyên môn, khả năng lãnh đạo của Tổng giám đốc.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương bao gồm bảy (07) Chương, ba mươi tư (34) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2026.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng vấn đề, các quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

DỰ THẢO

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty để phù hợp với quy định hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

DỰ THẢO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: 145 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Dự thảo
Số: 05/TTr-HĐQT *Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026-2031)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Căn cứ quyết định số 346 QĐ/BVTV.1 -HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026-2031).

Trên cơ sở rà soát các nội dung của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương được ban hành theo Quyết định số 346 QĐ/BVTV.1-HĐQT ngày 08/5/2026, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Quy chế cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty.

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung và lý do sửa đổi

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương với nội dung cụ thể kèm theo tờ trình.

Tất cả các nội dung còn lại của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương ban hành ngày 08/5/2026 không thay đổi.

2. Hiệu lực của Điều lệ mới sau khi sửa đổi, bổ sung

Bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới sau khi sửa đổi, bổ sung được trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 xem xét và quyết định.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 thông qua.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

(kèm theo Tờ trình số.../TTr-HĐQT ngày 04 tháng 12 năm 2026)

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
1	**Điều 9: Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.
2	**Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (Sửa đổi điểm i, khoản 2)** Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy	**Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (Sửa đổi điểm i, khoản 2)** Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám	Để thông tin được rõ ràng, cụ thể hơn; phù hợp với cơ cấu tổ chức và công tác điều hành Công ty

	định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	

CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG** Số: … QĐ/BVTV.1 -HĐQT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp.

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương ngày 04/12/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm Quyết định này "Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương".

Điều 2: Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, các phòng ban chức năng, các đơn vị trong toàn Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- BKS Công ty;
- Ban TGĐ Công ty;
- Lưu HĐQT, VT.

Phương thức gửi:
☑ Mạng nội bộ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

DỰ THẢO

MỤC LỤC

QUYẾT ĐỊNH: 1

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 1

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 1

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 1

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 1
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .6

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 7

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 10

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 11
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị 13

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 13

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm 13
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 14
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan 15

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 15

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 15
Điều 22. Mối quan hệ với ban Tổng giám đốc 16
Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát 16

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 16

Điều 23. Xử lý vi phạm 16
Điều 24. Sửa đổi, bổ sung 16
Điều 25. Hiệu lực thi hành 16

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức, điều hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên: một (01) Chủ tịch, một (01) Phó chủ tịch và ba (03) ủy viên HĐQT.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một (01) phần trăm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm

(65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty

để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mười lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, biên bản họp hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết

của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (theo quy định trong Điều lệ công ty).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban Tổng giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Xử lý vi phạm

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào không thực hiện đúng quy định của Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của Công ty và của pháp luật.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung bản Quy chế này sẽ được Hội đồng quản trị Công ty thực hiện khi xét thấy có những quy định không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty hay pháp luật có thay đổi.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương bao gồm bẩy (07) Chương, hai mươi lăm (25) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày…tháng ... năm 2026.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng vấn đề, các quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

DỰ THẢO

DỰ THẢO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: 145 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Số: 06/TTr-BKS *Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026-2031)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Căn cứ quyết định số 346 QĐ/BVTV.1 -HĐQT ngày 08/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026-2031).

Trên cơ sở rà soát các nội dung của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương được ban hành theo Quyết định số 197 QĐ/BVTV.1-HĐQT ngày 27/4/2021, Ban kiểm soát nhận thấy một số điều khoản của Quy chế cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty.

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung và lý do sửa đổi

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương với nội dung cụ thể kèm theo tờ trình.

Tất cả các nội dung còn lại của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương ban hành ngày 27/4/2021 không thay đổi.

DỰ THẢO

2. Hiệu lực của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát mới sau khi sửa đổi, bổ sung

Bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát mới sau khi sửa đổi, bổ sung được trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 xem xét và quyết định.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 thông qua.

Trân trọng !

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Quang Vinh

DỰ THẢO

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

(kèm theo Tờ trình số.../TTr-HĐQT ngày 04 tháng 12 năm 2026)

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Lý do
1	**Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát** 1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	**Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát** 1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Thay đổi để phù hợp với Điều 36 Điều lệ Công ty

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
****

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Hà Nội, tháng 12 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: **…** QĐ/BVTV.1-BKS	*Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương ngày 04 tháng 12 năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm Quyết định này "Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương".

Điều 2: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, các phòng ban chức năng, các đơn vị trong toàn Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Như điều 2; - HĐQT Công ty (để phối hợp); - Ban TGĐ Công ty (để phối hợp); - Lưu BKS, VT. ***Phương thức gửi:*** ☑☑ Mạng nội bộ.	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **TRƯỞNG BAN**

DỰ THẢO

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG....3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng....3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát....3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT....3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát....3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát....4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát....4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát....4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát....5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát....5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát....5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát....6
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT....6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát....6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát....8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường....9
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT....9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát....9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát....9
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH....10
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm....10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác....10
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan....11
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT....11
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát....11
Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị....12
Điều 21. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc....12
Điều 22. Quan hệ với các phòng ban, đơn vị trong Công ty....12
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH....13
Điều 23. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung....13

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo quyết định số: … QĐ/BVTV.1-BKS ngày 04/12/2026 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm

DỰ THẢO

soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo quy định tại điều lệ Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh

DỰ THẢO

doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

DỰ THẢO

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

DỰ THẢO

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có) của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

DỰ THẢO

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

DỰ THẢO

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày khi Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

DỰ THẢO

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

DỰ THẢO

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng các chế độ về lương, thưởng và các lợi ích khác theo quy định của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bẩy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bẩy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc

DỰ THẢO

chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

- Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát có quyền kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị kịp thời xử lý, chấn chỉnh các sai phạm (nếu có) trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

- Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng giám đốc Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

- Ban Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban chức năng, các đơn vị trong toàn Công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình với Ban kiểm soát khi có yêu cầu.

- Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, Ban kiểm soát kiến nghị đề xuất với Ban Tổng giám đốc Công ty để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai xót trong hoạt động kinh doanh.

- Ban Tổng giám đốc Công ty bố trí phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát; cử cán bộ có năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Ban kiểm soát tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết.

Điều 22. Quan hệ với các phòng ban, đơn vị trong Công ty

- Cung cấp đầy đủ thông tin và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát và ý kiến của Tổng giám đốc Công ty.

- Tạo mọi điều kiện, không được gây trở ngại khó khăn cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát khi thực thi nhiệm vụ.

- Trưởng các phòng ban, thủ trưởng các đơn vị được kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty về tính đầy đủ, trung thực và hợp pháp của các tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát, đoàn kiểm tra.

- Chịu trách nhiệm khắc phục các kiến nghị của Ban kiểm soát theo chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Trưởng các phòng ban, thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm thông báo cho Ban kiểm soát khi phát hiện sai phạm, rủi ro, thất thoát tài sản tại đơn vị mình.

DỰ THẢO

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương bao gồm bẩy (07) Chương, hai mươi ba (23) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng vấn đề, các quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

3. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát để phù hợp với quy định hiện hành.

4. Thành viên Ban kiểm soát và các bộ phận, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

DỰ THẢO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764/ 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Dự thảo

Số 01/TTr-HĐQT *Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận đơn từ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ V (2026 - 2031)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của ông Phan Văn Tùng - Phó chủ tịch HĐQT, ông Lê Thanh Thảo và bà Nguyễn Thị Kim Xuân - Thành viên Ban HĐQT Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026-2031).

- Căn cứ yêu cầu kiện toàn bộ máy quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026 - 2031) hiện có 05 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông bầu ngày 28/04/2026 theo quy định. Trong quá trình hoạt động, vì lý do cá nhân và điều kiện công tác, các thành viên HĐQT đã có đơn xin từ nhiệm, cụ thể:

Ông Phan Văn Tùng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lê Thanh Thảo – Thành viên Hội đồng quản trị.

Bà Nguyễn Thị Kim Xuân – Thành viên Hội đồng quản trị.

Các cá nhân nêu trên đã có đơn xin từ nhiệm và đề nghị Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận cho thôi đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị theo nguyện vọng cá nhân và lý do được trình bày tại các đơn xin từ nhiệm.

Trên cơ sở nguyện vọng của các thành viên Hội đồng quản trị và căn cứ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy việc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận đơn từ nhiệm, miễn nhiệm đối với các thành viên nêu trên và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị là cần thiết nhằm kiện toàn cơ cấu tổ chức, bảo đảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, duy trì hoạt động quản trị, định hướng và giám sát hoạt động điều hành của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương xem xét và thông qua các nội dung, cụ thể như sau:

1. Về việc chấp thuận đơn từ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận đơn xin từ nhiệm và thông qua việc miễn nhiệm đối với 03 thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể:

Ông Phan Văn Tùng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lê Thanh Thảo – Thành viên Hội đồng quản trị.

Bà Nguyễn Thị Kim Xuân – Thành viên Hội đồng quản trị.

Thời điểm miễn nhiệm: Kể từ thời điểm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung miễn nhiệm có hiệu lực.

2. Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Để bảo đảm cơ cấu tổ chức và duy trì hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung: **03 thành viên**.
- Tổng số thành viên Hội đồng quản trị sau khi bầu bổ sung: **05 thành viên**.
- Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ V (2026–2031).
- Hình thức bầu cử: Bầu theo phương thức bầu dồn phiếu và các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử tại Đại hội.

Danh sách nhân sự được đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét theo hồ sơ nhân sự và quy định về đề cử, ứng cử tại Công ty.

Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Về việc kiện toàn tổ chức và bàn giao công việc

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, đề nghị các cá nhân có liên quan thực hiện việc bàn giao hồ sơ, tài liệu, công việc và các nội dung khác có liên quan theo quy định của Công ty.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V (2026 - 2031) sau khi được kiện toàn sẽ tổ chức họp, xem xét bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu cần thiết), phân công nhiệm vụ cho các thành viên và triển khai các hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764/ 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Dự thảo
Số 02/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: chấp thuận đơn từ nhiệm, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026-2031)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;

- Đơn từ nhiệm của ông Trần Quang Vinh - Trưởng Ban kiểm soát, ông Phạm Văn Chiến và ông Nghiêm Xuân Chung - Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026-2031).

- Căn cứ yêu cầu kiện toàn bộ máy quản trị, kiểm soát của Công ty;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026 - 2031) hiện có 03 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu theo quy định của Điều lệ Công ty ngày 28/04/2026. Trong quá trình hoạt động, vì lý do cá nhân và điều kiện công tác, các thành viên Ban kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm, cụ thể:

1. Ông: Trần Quang Vinh – Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ông: Phạm Văn Chiến – Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát.
3. Ông: Nghiêm Xuân Chung – Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát.

Việc cả 03 thành viên Ban kiểm soát đồng thời có đơn xin từ nhiệm dẫn đến yêu cầu phải kiện toàn lại toàn bộ nhân sự Ban kiểm soát nhằm bảo đảm duy trì chức năng giám sát, kiểm tra và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị nhận thấy việc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận đơn từ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát hiện tại và bầu bổ sung các thành viên thay thế cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ V (2026–2031) là cần thiết.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương xem xét và thông qua các nội dung, cụ thể như sau:

1. Chấp thuận đơn từ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

- Chấp thuận đơn xin từ nhiệm của 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026–2031), cụ thể: ông Trần Quang Vinh, Phạm Văn Chiến và Nghiêm Xuân Chung.

- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Trần Quang Vinh.

- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với ông Phạm Văn Chiến và Nghiêm Xuân Chung

Việc miễn nhiệm có hiệu lực kể từ thời điểm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung này có hiệu lực.

2. Về việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Để bảo đảm cơ cấu tổ chức và duy trì hoạt động kiểm soát, giám sát tại Công ty theo quy định, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu bổ sung: **03 thành viên**.
- Tổng số thành viên Ban kiểm soát sau khi bầu bổ sung: 03 thành viên.
- Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ V (2026 - 2031).
- Hình thức bầu cử: Thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu và các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế bầu cử tại Đại hội.

Danh sách nhân sự dự kiến tham gia ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét theo hồ sơ nhân sự và Quy chế bầu cử được Đại hội thông qua.

Các ứng viên được bầu phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện và không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Về thời gian thực hiện và bàn giao công việc

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm và kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, đề nghị các cá nhân có liên quan thực hiện việc bàn giao hồ sơ, tài liệu, công việc và các nội dung khác có liên quan theo quy định của Công ty.

Ban kiểm soát mới tiến hành họp, bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và phân công nhiệm vụ cho các thành viên để sớm ổn định tổ chức, triển khai hoạt động.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Quang Vinh

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764/ 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Dự thảo

Số 07/TTr-HĐQT *Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, tổ chức triển khai thực hiện Dự án "Nhà máy chế biến giống cây trồng và gia công, sang chai, đóng gói vật tư bảo vệ thực vật" tại KCN Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

---

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6348342723, cấp lần đầu ngày 01/9/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 03 ngày 18/6/2026 do Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa cấp;
- Căn cứ nhu cầu đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

Hiện nay, các hạng mục thuộc dự án xây dựng "Nhà máy chế biến giống cây trồng và gia công, sang chai, đóng gói vật tư bảo vệ thực vật" do Công ty làm chủ đầu tư đã được đơn vị thi công bàn giao, Nhà máy đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp giấy phép đủ điều kiện sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn tiếp theo, việc tiếp tục đầu tư vào dự án sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến giống cây trồng là yếu tố then chốt góp phần thúc đẩy sự cho sự phát triển; đồng thời bảo đảm tiến độ, hiệu quả đầu tư và phù hợp với tình hình thực tế, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định các nội dung liên quan trong suốt quá trình triển khai thực hiện dự án, cụ thể như sau:

1. Quyết định và tổ chức triển khai thực hiện dự án

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cho đến khi dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng (bao gồm: lập hồ sơ, các thủ tục pháp lý để được cấp phép xây dựng dự án; lựa chọn đơn vị thiết kế, phê duyệt hồ sơ thiết kế và nhà thầu thi công dự án; điều chỉnh mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án và các vấn đề khác liên quan đến toàn bộ dự án) theo

đúng quy định của pháp luật.

2. Việc vay vốn, phát hành bảo lãnh và huy động vốn phục vụ dự án

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao Hội đồng quản trị chủ động quyết định và tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến việc vay vốn, phát hành bảo lãnh, huy động vốn và các giao dịch tín dụng khác tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức và/hoặc cá nhân khác để phục vụ việc triển khai thực hiện dự án.

3. Nguyên tắc thực hiện

Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền, bảo đảm:

- Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.
- Quản lý chặt chẽ tổng mức đầu tư, nguồn vốn, chi phí, tiến độ và chất lượng công trình; hạn chế tối đa các rủi ro, thất thoát và lãng phí trong quá trình thực hiện.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Thông

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ V (2026 – 2031)

Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 04/12/2026.

Đại hội sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ V (2026 - 2031).

Theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương và quy định của pháp luật hiện hành, cổ đông thực hiện việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS Công ty theo các nội dung sau:

I. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty bầu bổ sung là ba (03) người

2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020:

+ Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

+ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

II. Ứng cử, đề cử thành viên BKS

1. Số lượng thành viên BKS

Số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty là ba (03) người.

2. Tiêu chuẩn thành viên BKS

+ Thành viên Ban kiểm soát phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020:

+ Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

+ Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

+ Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

+ Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

+ Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

+ Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

III. Nguyên tắc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS:

1. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (03) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Các ứng viên được đề cử phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Hồ sơ giới thiệu ứng viên sẽ được Hội đồng quản trị đương nhiệm công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

2. Việc ứng cử, đề cử kiểm soát viên được thực hiện như sau:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông dưới mười phần trăm (10%) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử hai (02) ứng viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm số lượng ứng viên còn thiếu với điều kiện các ứng viên được đề cử phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Hồ sơ giới thiệu ứng viên sẽ được Ban kiểm soát đương

nhiệm được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo nguyên tắc ứng cử, đề cử nêu trên thực hiện quyền ứng cử, đề cử của mình. Điền thông tin vào các mẫu sau:

- Mẫu số 01-UC: Ứng cử
- Mẫu số 02-ĐC: Đề cử
- Mẫu 03-LL: Kê khai lý lịch của người ứng cử hoặc được đề cử
- Mẫu số 04-NLQ: Bản khai người có liên quan
- Mẫu số 05-LILQ: Bản khai các lợi ích liên quan

Hồ sơ gửi về Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương **trước ngày 20/11/2026.**

Người nhận: Ông Bùi Đình Tráng

Trưởng phòng TCHC, Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

Địa chỉ: Số 145 phố Hồ Đắc Di, phường Kim Liên, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 024.35330179 Di động: 0975.230.269

Fax: 024.38572751

Email: buidinhtrangpsc1@gmail.com

Nếu quá thời gian nêu trên, Công ty không nhận được Giấy đề cử/ứng cử của Quý cổ đông thì xem như Quý cổ đông không đề cử/ứng cử thành viên HĐQT và BKS. Hội đồng quản trị Công ty (đương nhiệm) sẽ xem xét và đề cử người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để bầu bổ sung HĐQT, BKS cho nhiệm kỳ V (2026 – 2031).

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100101611 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đặng Văn Thông

Ghi chú: *Cổ đông đăng nhập vào trang web của Công ty:* ***http://www.psc1.com*** ***– mục quan hệ cổ đông*** *để tải các mẫu nêu trên và hoàn thiện hồ sơ ứng cử, đề cử.*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Mẫu số 01 - UC

Hà Nội, ngày……tháng….năm 2026

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ V (2026-2031)
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026**
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Tôi tên là:……Giới tính:……..…

Ngày sinh: ……... ……

Quốc tịch:…….

Địa chỉ thường trú: ……..

……...

Điện thoại:.....Email:.....

Số CCCD/Hộ chiếu: ……..……... Ngày cấp:…… ……

Nơi cấp:…….

Trình độ học vấn: …….

Chuyên ngành:……..……...

Số cổ phần sở hữu đến thời điểm hiện tại: …… cổ phần, tương ứng với: …….. % vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026-2031) Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

Tôi xin cam kết mình có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026-2031); đồng thời cam kết cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan, thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty.

Xin trân trọng cám ơn!

Hồ sơ kèm theo:
1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
2. Hộ khẩu thường trú/Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương;
3. Bản sao hợp lệ Căn cước công dân/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

ỨNG CỬ VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Hà Nội, ngày.....tháng……năm 2026

Mẫu số 02 - ĐC

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ V (2026-2031)
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026**
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Tôi/ Chúng tôi là nhóm cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương gồm:

STT	Họ và tên cổ đông	Số CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Chữ ký

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử:

Ông/Bà:……Giới tính……..

Ngày sinh: ……...

Quốc tịch:……..

Địa chỉ thường trú: ……...

……...

Số CCCD/Hộ chiếu: ……. Ngày cấp: ……

Nơi cấp:…….....

Trình độ học vấn: ……

Chuyên ngành:……..……

Ông/bà ……..…..làm ứng viên cho vị trí thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026-2031) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Tôi/chúng tôi cam đoan ứng viên được đề cử có đủ điều kiện vào vị trí thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026-2031). Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo; đồng thời cam kết tuân thủ đúng, đủ quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương./.

Trân trọng cám ơn!

NGƯỜI ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

<u>Hồ sơ kèm theo:</u>

1. Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai;

2. Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương;

3. Giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử);

4. Bản sao hợp lệ Căn cước công dân/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU 03/ ĐT

SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA ỨNG CỬ VIÊN

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên:…… Giới tính: ……..
- Ngày sinh:……...
- Quốc tịch:…… Dân tộc:…….
- Hộ khẩu thường trú:……
- Chỗ ở hiện tại:……..……
- Điện thoại:……Email:……..
- Trình độ:……

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Thời gian	Tên trường học/ Cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức học	Văn bằng, chứng chỉ

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Từ năm 18 tuổi)

Thời gian	Tên tổ chức	Địa chỉ	Vị trí	Khen thưởng/ Kỷ luật

IV. KỸ NĂNG BỔ TRỢ KHÁC

- Ngoại ngữ: Trình độ:
- Tin học: Trình độ:
- Kỹ năng khác:

V. VỊ TRÍ ĐỀ CỬ CỦA ỨNG CỬ VIÊN

- Vị trí đề cử:

☐ Thành viên BKS

- Đơn vị: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

……., ngày .....tháng…….năm 2026

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu cần thiết;

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu CBTT.Q

BẢNG KÊ KHAI NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Họ và tên người khai: .....

Vị trí đề cử:

☐ Thành viên HĐQT ☐ Thành viên độc lập HĐQT

☐ Thành viên BKS

Đơn vị: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

STT	Người có liên quan (*)	Số CCCD hoặc Hộ chiếu	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập/góp vốn		Tỷ lệ vốn góp/Vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
				Tên tổ chức	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ của tổ chức (%)	
1.						
2.						
3.						
…						
Tổng cộng					%	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

……, ngày … tháng …. năm 2026

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

(*) Người có liên quan theo quy định tại khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2020.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu 05/ LILQ

BẢN CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Tên người công khai:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ: .....

Các lợi ích có liên quan phải công khai theo Luật Doanh nghiệp:

I. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà tôi và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ năm (05)% vốn điều lệ trở lên:

STT	Doanh nghiệp/ Tổ chức	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập	Tên người sở hữu vốn	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ với người khai

II. Doanh nghiệp mà tôi và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

STT	Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Mã số doanh nghiệp	Họ và tên	Chức vụ	Quan hệ với người khai

……, ngày … tháng …. năm 2026
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Mẫu số 01 - UC

Hà Nội, ngày….tháng……năm 2026

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ V (2026-2031)
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026**
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Tôi tên là:……Giới tính:……..

Ngày sinh: ……... ……

Quốc tịch:……..

Địa chỉ thường trú: ……...

……...

Điện thoại:.....Email:.....

Số CCCD/Hộ chiếu: ……..……... Ngày cấp:…… ……

Nơi cấp:……

Trình độ học vấn: ……

Chuyên ngành:……...……...

Số cổ phần sở hữu đến thời điểm hiện tại: …… cổ phần, tương ứng với: …….. % vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí:

☐ Thành viên Hội đồng quản trị

☐ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tôi xin cam kết mình có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026-2031); đồng thời cam kết cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan, thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty.

Xin trân trọng cám ơn!

ỨNG CỬ VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;

2. Hộ khẩu thường trú/Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương;

3. Bản sao hợp lệ Căn cước công dân/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

Mẫu số 02 - ĐC

Hà Nội, ngày….tháng……năm 2026

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ V (2026-2031)
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026**
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Tôi/ Chúng tôi là nhóm cổ đông Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương gồm:

STT	Họ và tên cổ đông	Số CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Chữ ký

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử:

Ông/Bà:……Giới tính……..

Ngày sinh: ……...

Quốc tịch:……..

Địa chỉ thường trú: ……...

……...

Số CCCD/Hộ chiếu: ……. Ngày cấp: …….

Nơi cấp:…….....

Trình độ học vấn: …….

Chuyên ngành:……...……

Ông/bà ……..…..Làm ứng viên cho vị trí:

☐ Thành viên Hội đồng quản trị

☐ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026-2031) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Tôi/Chúng tôi cam đoan ứng viên được đề cử có đủ điều kiện vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2026 - 2031). Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo; đồng thời cam kết tuân thủ đúng, đủ quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương./.

Trân trọng cám ơn!

NGƯỜI ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai;

2. Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương;

3. Giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử);

4. Bản sao hợp lệ Căn cước công dân/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU 03/ LL

SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA ỨNG CỬ VIÊN

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên:…… Giới tính: ……..
- Ngày sinh:……..
- Quốc tịch:…… Dân tộc:……
- Chỗ ở hiện tại:……
- Điện thoại:…… … Email:……
- Trình độ:……

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Thời gian	Tên trường học/ Cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức học	Văn bằng, chứng chỉ

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Từ năm 18 tuổi)

Thời gian	Tên tổ chức	Địa chỉ	Vị trí	Khen thưởng/ Kỷ luật

IV. KỸ NĂNG BỔ TRỢ KHÁC

- Ngoại ngữ: Trình độ:
- Tin học: Trình độ:
- Kỹ năng khác:

V. VỊ TRÍ ĐỀ CỬ CỦA ỨNG CỬ VIÊN

- Vị trí đề cử:

  ☐ Thành viên HĐQT

  ☐ Thành viên độc lập HĐQT

- Đơn vị: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

……., ngày .....tháng…….năm 2026

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu cần thiết;

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 04/NLQ

BẢNG KÊ KHAI NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Họ và tên người khai: .....

Vị trí đề cử:

☐ Thành viên HĐQT ☐ Thành viên độc lập HĐQT

☐ Thành viên BKS

Đơn vị: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

STT	Người có liên quan (*)	Số CCCD hoặc Hộ chiếu	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia thành lập/góp vốn		Tỷ lệ vốn góp/Vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương
				Tên tổ chức	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ của tổ chức (%)	
1.						
2.						
3.						
…						
Tổng cộng					%	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày … tháng …. năm 2026
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

(*) Người có liên quan theo quy định tại khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2020.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT 1 TRUNG ƯƠNG
Trụ sở chính: số 145 Hồ Đắc Di, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3857 2764, 3533 2267 - Fax: (024) 3857 2751
E-mail: psc1@psc1.com - Website: www.psc1.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số: LILQ

BẢN CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Tên người công khai:.....
Chức vụ:.....
Địa chỉ: .....
Các lợi ích có liên quan phải công khai theo Luật Doanh nghiệp:

I. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà tôi và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ năm (05)% vốn điều lệ trở lên:

STT	Doanh nghiệp/ Tổ chức	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập	Tên người sở hữu vốn	Tỷ lệ sở hữu	Quan hệ với người khai

II. Doanh nghiệp mà tôi và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

STT	Doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Mã số doanh nghiệp	Họ và tên	Chức vụ	Quan hệ với người khai

……, ngày … tháng …. năm 2026
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)